PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS / MSDS) — MAP PERMETHRIN 50EC

Bản chuẩn hóa tiếng Việt đối chiếu 16 mục kèm 06 trang bản scan đóng dấu đỏ gốc của Công ty TNHH Map Pacific Việt Nam (Trang 2–7)

Xác thực nguồn gốc tài liệu: Trang 2–7 của tệp PDF này giữ nguyên bản scan Phiếu An toàn Hóa chất gốc có mộc đỏ pháp nhân **Công ty TNHH Map Pacific Việt Nam** (biên soạn 20/06/2016, ký bởi Giám đốc Chất lượng Nguyễn Văn Thủy). Trang 1 chuẩn hóa bảng tra nhanh 16 mục tiếng Việt theo Thông tư 32/2017/TT-BCT & Giấy chứng nhận ĐKLH `VNDP-HC-079-02-21`.

Mục 1. Nhận dạng hóa chất & NSX	Tên thương mại: **Map Permethrin 50EC** • Thuốc y tế diệt côn trùng • NSX: Công ty TNHH Map Pacific Singapore / Công ty TNHH Map Pacific Việt Nam, 101/6 đường 3, KCN Long Bình (AMATA), Biên Hòa, Đồng Nai. Số ĐKLH: **VNDP-HC-079-02-21**.
Mục 2. Nhận dạng nguy hiểm	Phân loại nhóm 9 theo GHS. Rất độc cấp tính/mãn tính với sinh vật thủy sinh (H400/H410). Có hại nếu nuốt phải, hít phải hơi/sương hoặc tiếp xúc da mắt. Từ cảnh báo: **Cảnh báo (Warning)**.
Mục 3. Thành phần hóa chất	**Permethrin** (Công thức: C21H20Cl2O3, Số CAS: `52645-53-1`) hàm lượng **47,5 – 52,5% w/v** (50% w/v danh định) và dung môi/phụ gia vừa đủ 100%.
Mục 4. Biện pháp sơ cứu y tế	Mắt: Giữ mắt mở rửa nhẹ dưới vòi nước 15–20 phút. Da: Cởi quần áo/giày nhiễm, rửa xà phòng & nước ít nhất 15 phút. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng mát, hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở. Nuốt phải: Súc miệng, uống từng ngụm nước nhỏ, KHÔNG tự gây nôn trừ chỉ định bác sĩ.
Mục 5–6. Chữa cháy & Sự cố tràn đổ	Sản phẩm phân hủy cháy có thể sinh HCl, CO, CO2. Dập cháy bằng phun nước sương, bọt chống cồn, CO2, bột khô; trang bị EN 469 & bình khí NIOSH. Tràn đổ: Cô lập nguồn phát lửa, thấm bằng cát/chất thấm trơ, thu gom xử lý chất thải nguy hại; cấm thải xuống cống rãnh/sông hồ.
Mục 7–8. Bảo quản & PPE cá nhân	Bảo quản nơi kín, mát, khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp và xa thực phẩm/trẻ em. PPE: Kính bảo hộ mắt, áo quần chống hóa chất, găng tay chống hóa chất, giày ủng.
Mục 9–10. Tính chất lý hóa & Ổn định	Chất lỏng màu vàng nhạt, mùi dung môi đặc trưng, phân tán tạo nhũ trong nước; pH 4–6 (mẫu 1%); Khối lượng riêng 1,040 ± 0,010 kg/m³ (20°C). Bền ở điều kiện lưu trữ thông thường.
Mục 11–12. Độc tính & Sinh thái	LD50 miệng (chuột): **383 mg/kg**; LD50 da: > 2.000 mg/kg; LC50 hít: > 485 mg/m³. Sinh thái thủy sinh 96h: Cá (Salmo gairdneri) LC50 **0,62 µg/L**; Daphnia magna EC50 0,62 µg/L; Rong rêu EC50 92 µg/L.
Mục 13–16. Thải bỏ, Vận chuyển & Quy định	Thải bỏ theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT (chất thải nguy hại). Vận chuyển: **UN 3077**, Environmentally hazardous substance (Permethrin), Loại 9, Nhóm đóng gói III (ADG/IATA/IMDG).

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

MAP PERMETHRIN 50EC (PH)	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Số CAS: 52645-53-1 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	mappacific

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Permethrin y tế	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên thương mại: Map Permethrin 50EC (PH)	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Công ty TNHH Map Pacific Việt Nam 101/6, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai	Công ty TNHH Map Pacific Việt Nam 101/6, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai
- Mục đích sử dụng: Thuốc Y Tế (diệt côn trùng)	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%w/v)
Permethrin	52645-53-1	$C_{21}H_{20}Cl_2O_3$	47.5 – 52.5

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA…) nhóm 9

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc; chưa có thông tin
- Ôxy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh; chưa có thông tin
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Có hại nếu nuốt phải. Tránh tiếp xúc vào da, mắt và quần áo. Tránh hít phải hơi hoặc sương

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt; Có thể gây kích ứng mắt. Tránh tiếp xúc với mắt.
- Đường thở; Nguy hiểm nếu hít phải. Tránh hít phải hơi hoặc sương.
- Đường da; Có thể gây kích ứng da. Nguy hiểm kh tiếp xúc da. Tránh tiếp xúc với da và quần áo.
- Đường tiêu hóa; Có hại nếu nuốt phải. Không để xâm nhập vào cơ thể.
- Đường tiết sữa; không có thông tin

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Giữ mắt mở và rửa nhẹ nhàng dưới vòi nước khoảng 15-20 phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có, sau 5 phút đầu tiên, sau đó tiếp tục rửa mắt. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc ngay lập tức.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc vào da Cởi bỏ quần áo và giày bị nhiễm ngay lập tức. Rửa sạch ngay với thật nhiều nước và xà phòng ít nhất 15 phút. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc ngay lập tức.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân ngừng thở, gọi xe cứu thương, sau đó hô hấp nhân tạo, biện pháp thích hợp là miệng-miệng nếu có thể. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc ngay lập tức.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống, nuốt nhầm hóa chất): Gọi bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc ngay lập tức. Rửa miệng và cho uống nước từng ngụm nhỏ.Chú ý KHÔNG gây nôn trừ khi theo chỉ định bởi bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc. Không cho bất kỳ vật cản vào miệng của nạn nhân đã bất tỉnh. Không để nạn nhân một mình.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy…); không có thông tin.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: trong trường hợp cháy sản phẩm phân hủy tạo ra các khí độc như: hydro clorua (HCl); monoxides carbon (CO) và / hoặc carbon dioxide (CO_2).

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát …) Tránh xa ngọn lửa, các bề mặt nóng và các nguồn bắt lửa.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Sử dụng vòi phun nước, bọt chống cồn, carbon dioxide (CO_2) hoặc hóa chất khô. Sử dụng chất chữa cháy thích hợp chữa cháy cho các vật liệu xung quanh.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Mặc đầy đủ áo quần bảo hộ (EN 469) và mặc nạ phòng độc khi chữa cháy.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có) Tránh xa khói từ đám cháy. Chữa cháy ở vị trí trước hướng gió. Làm mát thùng kín bị tiếp xúc đám cháy bằng nước phun sương. Tạo rãnh để ngăn dòng chảy và làm ô nhiễm nguồn nước. Trong quá trình cháy, các thiết bị, vật liệu, thuốc trừ sâu có thể trở nên bị ô nhiễm. Người tham gia chữa cháy phải mang bình dưỡng khí NIOSH và quần áo bảo hộ đầy đủ

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo vệ và qui trình khẩn cấp

Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (như quần áo bảo hộ, găng tay và kính bảo hộ ...). Tránh tiếp xúc với sản phẩm bị đổ hoặc các bề vật liệu bị nhiễm. Lắp đặt thông gió. Cảnh báo tất cả mọi người về tình trạng nguy hiểm và sơ tán nếu cần thiết. Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Áp dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện.

2. Bảo vệ môi trường

Không thải ra cống rãnh, nước mặt hoặc nước ngầm. Báo cáo cơ quan chức năng nếu sản phẩm làm ô nhiễm cống rãnh, hồ hoặc sông.

3. **Phương pháp và vật liệu dùng vệ sinh**

Sử dụng cát hay các chất thấm hút khác. Tạo rãnh xa về phía trước khu vực xảy ra sự cố để xử lý sau. Thu gom chất thải và các vật liệu bị nhiễm và chuyển ra khỏi khu vực bị sự cố đặt trong thùng chứa có dán nhãn. Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa. Vật liệu này và thùng chứa phải được tiêu hủy như chất thải nguy hại.

VII. YÊU CẦU VỀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ…) thao tác cẩn thận khi mở nắp các thùng chứa. Loại tất cả các nguồn gây cháy. Áp dụng các biện pháp phòng ngừa chống lại phóng tĩnh điện. Không để gây ô nhiễm môi trường. Không để chảy vào cống hoặc kênh rạch. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm. Không để văng vào mắt, da, hoặc trên quần áo. Rửa tay bằng xà phòng sau khi tiếp xúc. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm hoặc vệ sinh trước khi sử dụng.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung…) Tránh xa tầm với của trẻ em. Tránh xa nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời. Lưu trữ trong khu vực kín, mát mẻ, khô ráo và thông thoáng. Tránh tia lửa, ngọn lửa, nhiệt và hút thuốc. Không lưu chung với thực phẩm và thức ăn gia xúc.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc …).

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt; mắt kính
- Bảo vệ thân thể; áo quần chống hóa chất
- Bảo vệ tay; găng tay chống hóa chất
- Bảo vệ chân.: giày ủng

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố sử dụng bình dưỡng khí trong các trường hợp khi ngưỡng tiếp xúc chưa xác định, không thể khống chế khả năng tiếp xúc hoặc mặt nạ lọc bụi không thích hợp

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc…) Rửa sạch tay với nước và xà phòng sau khi tiếp xúc và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, hút thuốc lá, sử dụng nhà vệ sinh hoặc mỹ phẩm.
Cởi quần áo và giày bị nhiễm bẩn ngay lập tức. Sau đó rửa sạch và mặc quần áo sạch sẽ.
Loại bỏ thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) ngay lập tức sau khi xử lý sản phẩm này. Trước khi tháo găng tay làm sạch chúng bằng xà phòng và nước. Vệ sinh và thay quần áo sạch sẽ càng sớm càng tốt.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng lỏng	Điểm sôi (^{0}C): chưa có thông tin
Màu sắc: màu vàng nhạt	Điểm nóng chảy (^{0}C): chưa có thông tin
Mùi đặc trưng: đặc trưng của dung môi	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: phân tán tạo nhũ	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với

	không khí): chưa có thông tin
Độ PH: 4 – 6 (1% mẫu trong nước)	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m^3): 1.0400 ± 0.0100 (20^0C)	Các tính chất khác (nếu có):

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập…): bền ở điều kiện lưu trữ thông thường.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung
- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Permethrin	LD_{50} (oral) LD_{50} (dermal) LC_{50} (Inhalation	383 mg/kg >2.000 mg/kg >485 mg/m^3	Miệng Da Hô hấp	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen …):

Không cho thấy tác dụng gây ung thư, quái thai hoặc gây đột biến trên động vật thí nghiệm. Độc tính sinh sản ở chuột lưu ý đó không phải là liên quan đến con người. Ảnh hưởng mãn tính lên hệ thống thần kinh trung ương trong các thử nghiệm động vật. Không có tác dụng phụ ở người dự kiến sẽ ở mức dưới giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp và khi sản phẩm được tiếp xúc và thao tác theo nhãn.

2. Các ảnh hưởng độc khác:

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Permethrin	Cá Động vật thủy sinh Rong riêu	0.62 µg/L in 96 h 0.62 µg/L in 96 h 92 µg/L in 96 h	LC_{50} (Salmon gaidneri) EC_{50} (Daphnia magna) EC_{50} (Selenastrum capricornutrum)

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Để phòng ảnh hưởng môi trường

Không phun trực tiếp vào nước, nước mặt. Không gây ô nhiễm nước mặt hoặc nước ngầm trong quá

trình rửa thiết bị. Báo cáo cơ quan nhà nước hoặc chính quyền địa phương nếu phát hiện tác động xấu đến môi trường do việc sử dụng các sản phẩm này. Không để vật dụng chứa thuốc đi vào nước mặt, cống và nước ngầm.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp) Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT quy định về quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: chất thải nguy hại

3. Biện pháp tiêu hủy: tiêu hủy trong lò đốt CTNH. Không tái sử dụng các bao bì chứa nguyên liệu, sản phẩm. Bao bì đã dùng vẫn có thể chứa dư lượng gây độc hại, không ép, cắt, hàn hoặc để đốt nóng chúng…

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
ADG IATA IMDG	3077 3077 3077	Environmenttally hazardous substance, solid (Permethrin)	9 9 9	III III III		

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 20.06.2016
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Map Pacific Việt Nam
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

Giám Đốc Chất Lượng

Nguyễn Văn Thủy